ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 639 /KH-UBND	*An Giang, ngày 02 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Căn cứ Quyết định số 982/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 982/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh An Giang, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức triển khai đồng bộ, kịp thời và hiệu quả Quyết định số 982/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh An Giang.

b) Tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế; thúc đẩy hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

c) Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ của Trung ương về phát triển doanh nghiệp công nghệ số; huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu của Đề án.

d) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động phát triển doanh nghiệp công nghệ số; chủ động rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; theo dõi, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện, kịp thời báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quyết định số 982/QĐ-TTg; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, thiết thực, hiệu

quả, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

b) Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng sở, ban, ngành, địa phương; tăng cường phối hợp liên ngành trong quá trình tổ chức thực hiện; bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, kế hoạch, đề án đang triển khai.

c) Lồng ghép việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình, kế hoạch về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức tài chính, quỹ đầu tư và các tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số.

đ) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức triển khai có hiệu quả Quyết định số 982/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh An Giang; xây dựng môi trường thuận lợi thúc đẩy doanh nghiệp công nghệ số phát triển, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực cạnh tranh và từng bước tham gia chuỗi giá trị trong nước và quốc tế; phát huy vai trò của doanh nghiệp công nghệ số trong phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) 100% doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh có nhu cầu được tiếp cận thông tin về các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh; được hướng dẫn tham gia các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số theo quy định.

b) Tổ chức khảo sát, rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp công nghệ số; kịp thời tham mưu giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

c) Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số tham gia các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, kết nối cung cầu công nghệ, kết nối với các quỹ đầu tư, các chương trình hỗ trợ của Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành Trung ương nhằm mở rộng thị trường trong nước và quốc tế.

đ) Đẩy mạnh kết nối giữa doanh nghiệp công nghệ số với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo để phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ.

e) Thực hiện đầy đủ chế độ theo dõi, đánh giá, thống kê và báo cáo định kỳ, bảo đảm phản ánh kịp thời kết quả triển khai Quyết định số 982/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với phát triển doanh nghiệp công nghệ số

a) Tổ chức rà soát các cơ chế, chính sách hiện hành của tỉnh liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư, thương mại và các lĩnh vực có liên quan nhằm kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện các quy định, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ số phát triển.

b) Chủ động rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh; kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

c) Lồng ghép các nhiệm vụ phát triển doanh nghiệp công nghệ số vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các chương trình, đề án khác của tỉnh.

d) Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ số.

2. Hỗ trợ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số tiếp cận các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ và thương mại hóa công nghệ mới, công nghệ số, công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình phát triển tài sản trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường chất lượng; nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế.

c) Thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp công nghệ số với các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ.

d) Phối hợp triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực quản trị, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế cho doanh nghiệp công nghệ số.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực phát triển

a) Hướng dẫn doanh nghiệp công nghệ số tiếp cận các chương trình hỗ trợ của Trung ương, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ đổi mới công nghệ, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các nguồn lực hợp pháp khác.

b) Phối hợp giới thiệu, kết nối doanh nghiệp với các tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo nhằm tạo điều kiện huy động nguồn lực phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển và mở rộng thị trường.

c) Huy động, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh tiếp cận, thụ hưởng các chính sách hỗ trợ đối với sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số; phát triển công nghiệp bán dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn; hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số[1].

4. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường

a) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, triển lãm, kết nối cung cầu công nghệ trong nước và quốc tế.

b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan triển khai các chương trình quảng bá thương hiệu sản phẩm công nghệ số, thương hiệu "Make in Viet Nam"; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động kết nối thị trường quốc tế.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin thị trường, thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu của thị trường xuất khẩu; tạo điều kiện tham gia các chương trình xúc tiến thương mại và kết nối đầu tư.

5. Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh

---

[1] Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ đối với sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số.
Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.
Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 ban hành Quy định chính sách đặc thù cho phát triển công nghiệp bán dẫn; hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn.

a) Phấn đấu hình thành mạng lưới liên kết giữa doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các cơ sở nghiên cứu và đào tạo nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.

b) Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số tham gia cung cấp các nền tảng, giải pháp phục vụ chuyển đổi số cho cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số tham gia các chương trình phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển kinh tế số của tỉnh.

6. Tăng cường phối hợp triển khai các chương trình của Trung ương

a) Chủ động phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành Trung ương triển khai các nhiệm vụ thuộc Quyết định số 982/QĐ-TTg và các chương trình, đề án liên quan đến phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

b) Phối hợp triển khai các chương trình khảo sát, điều tra, thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp công nghệ số; chia sẻ thông tin, kết quả triển khai theo yêu cầu của cơ quan Trung ương.

c) Tạo điều kiện để doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tham gia các chương trình hỗ trợ, chương trình thí điểm, các hoạt động hợp tác quốc tế và các chương trình phát triển doanh nghiệp công nghệ số do Trung ương tổ chức.

7. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền

a) Đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

b) Phổ biến kịp thời các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số; giới thiệu các mô hình hay, cách làm hiệu quả, sản phẩm công nghệ số tiêu biểu của tỉnh.

c) Khuyến khích các doanh nghiệp tích cực tham gia các hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển thị trường trong nước, quốc tế.

8. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá và chế độ báo cáo

a) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai Kế hoạch; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

b) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, theo dõi, đánh giá tình hình phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Các sở, ban, ngành, địa phương định kỳ đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao; gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định và trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc khi có yêu cầu.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ các nguồn theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển đổi số và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Nguồn vốn của doanh nghiệp; nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (nếu có) và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chủ động xây dựng dự toán kinh phí hằng năm, lồng ghép với các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan để tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội hóa, tăng cường hợp tác công - tư, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp, quỹ đầu tư, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

b) Chủ trì rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các chương trình, nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành Trung ương về phát triển doanh nghiệp công nghệ số; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, xúc tiến thương mại, kết nối đầu tư và mở rộng thị trường.

d) Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu, theo dõi, đánh giá tình hình phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, định kỳ hoặc đột xuất tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và đúng quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành.

3. Sở Công Thương

Chủ trì triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, kết nối cung cầu, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số tham gia các hội chợ, triển lãm, chương trình xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế; phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các nền tảng thương mại điện tử và mở rộng thị trường xuất khẩu.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ sở giáo dục triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực công nghệ số; tăng cường kết nối giữa cơ sở giáo dục với doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

5. Sở Du lịch

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương và các cơ quan liên quan thúc đẩy hợp tác quốc tế; hỗ trợ kết nối doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh với các đối tác, tổ chức quốc tế; phối hợp triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và hợp tác khoa học, công nghệ.

6. Các sở, ban, ngành tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch này vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị; phối hợp triển khai các nhiệm vụ phát triển doanh nghiệp công nghệ số thuộc lĩnh vực quản lý; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

7. Ban Quản lý Khu kinh tế, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh và các cơ quan liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, các chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại, đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Căn cứ Kế hoạch này và điều kiện thực tế của địa phương, chủ động tổ chức triển khai hoặc lồng ghép các nhiệm vụ phát triển doanh nghiệp công nghệ số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số;

phối hợp rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp trên địa bàn; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

9. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh

Phối hợp tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp; phối hợp tổ chức các hoạt động kết nối đầu tư, xúc tiến thương mại, đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 982/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, ntgiang.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Phong